TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Ông Nguyễn Văn Lạc

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Thành L, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T trình bày:

Bà T và ông L quen biết nhau một thời gian thì tổ chức đám cưới vào năm 2017, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An ngày 15/3/2017. Vợ chồng cùng sinh sống tại Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Võ Minh T1 (nam), sinh ngày 26/8/2017. Thời gian sau này, vợ chồng nảy sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời tham gia các tệ nạn xã hội, bà T khuyên ngăn nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện. Hiện tại bà T và cháu Võ Minh T1 đã về nhà cha mẹ ruột của bà T sinh sống, vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 01 năm. Do bà T đi làm công nhân nên thỉnh thoảng cũng có gửi con nhờ ông, bà nội đưa đón đi học.

Nay bà T cho rằng không còn tình cảm với ông L nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L; yêu cầu nuôi dưỡng chăm sóc con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thành L vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của bà T.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Chính quyền địa phương nơi cư trú của bà T và ông L cung cấp thông tin có nội dung như bà T trình bày về hoàn cảnh hiện tại của hai vợ chồng. Bà T làm công nhân còn ông L không có nghề nghiệp, vợ chồng có một con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thu nhập của các đương sự thì địa phương cũng không nắm rõ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt nhiều lần và không có văn bản thể hiện ý kiến trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 15/3/2017 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, yêu cầu của bà T sẽ được giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông L và bà T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L không một lần đến trụ sở Tòa án nhân dân để trình bày ý kiến mà bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông lợi cấp dưỡng nuôi con; con chung cháu Võ Minh T1 có nguyện vọng được sống với mẹ và hiện cháu đang sống cùng bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Phương T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, bà T yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông L chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng do ông L sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con mà thường tụ tập bạn bè chơi bời, bà T khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông L vẫn không thay đổi và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm, khả năng hàn gắn không còn.

[2.3] Phía bị đơn ông Võ Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến để thể hiện ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T.

[2.4] Kết quả xác minh của Tòa án cũng có nội dung phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[2.5] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi con, ông L cũng không thể hiện ý kiến. Xét thấy con chung đang sống cùng với bà T và cháu bé cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Do bà T cũng có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con và bà cũng không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Phương T.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương T được ly hôn với ông Võ Thành L.

Về con chung: Giao con chung Võ Minh T1, sinh ngày 26/8/2017 cho bà Phạm Thị Phương T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Do bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Phương T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002380 ngày 11/12/2023 sang tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh